

Quyết định số: 1177/2017/DS-PT

Ngày: 21/12/2017

V/v “Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Hồng Giảng.

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Ánh
Ông Nguyễn Bá Thịnh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên họp: Bà Trương Nguyễn Thu Trang –
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Yến Oanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp phúc thẩm công khai đối với Quyết định giải quyết việc dân sự thụ lý số 613/DS-PT ngày 09 tháng 11 năm 2017 về việc “Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án”.

Do Quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm số 278/2017/QĐDS-ST ngày 12/9/2017, Quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định dân sự sơ thẩm số 40/2017/QĐ-SCBSQĐDS ngày 28/11/2017 của Tòa án nhân dân Quận 7 bị kháng cáo;

Theo quyết định mở phiên họp phúc thẩm số 2986/QĐ-MPH ngày 11 tháng 12 năm 2017, giữa:

Người yêu cầu: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Quận F1.

Địa chỉ: 214B LCT, Phường 9, Quận F1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tô Đình M – Giám đốc công ty.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Huỳnh Tấn L và bà Nguyễn Thụy A. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Võ Thế Trang Đ – Chủ DNTN Bình Phát.

Địa chỉ: 72/4 HVB, Phường 15, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1933.

Địa chỉ: K36/33 QT, TT, quận HC, Thành phố Đà Nẵng.

Đại diện hợp pháp của bà N: Ông Cao Xuân H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: B2-04.01 Chung cư Sarimi ALĐ, Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Trẻ Cao Hiền V, sinh năm 2003;

- Trẻ Cao Phúc Khải H, sinh năm 2003.

Có người đại diện là bà Võ Thế Trang Đ. (có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị N, trẻ V và H:
Luật sư Nguyễn Ngọc B, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ VIỆC

Theo nội dung quyết định sơ thẩm, người yêu cầu là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Quận F1 (sau đây gọi tắt là Công ty) trình bày nội dung yêu cầu như sau: Bà Võ Thế Trang Đ là chủ Doanh nghiệp tư nhân BP có nghĩa vụ thi hành Bản án số 156/2011/KDTM-PT ngày 24/02/2011 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 17/2013/QĐST-DS ngày 29/3/2013 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Bản án, Quyết định công nhận sự thỏa thuận nêu trên và các Quyết định Thi hành án số 221/QĐ-THA ngày 18/3/2011, số 569/QĐ-CCTHA ngày 05/11/2013 thì bà Võ Thế Trang Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty số tiền 17.215.353.491 (Mười bảy tỷ hai trăm mười lăm triệu ba trăm năm mươi ba ngàn bốn trăm chín mươi một) đồng, nhưng cho đến nay bà Đ vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ nói trên do cơ quan thi hành án chưa xác định được phần tài sản của bà Võ Thế Trang Đ trong khối tài sản chung với ông Cao Xuân D (chết ngày 25/6/2009).

Công ty yêu cầu xác định phần tài sản của bà Võ Thế Trang Đ trong khối tài sản là Khu đất diện tích 1.400 m², tờ bản đồ 05, số thửa đất 70-1- 2 và 71-2-2 tại phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T499339 do Ủy ban nhân dân Quận 7 cấp ngày 18/11/2001) để thi hành án.

Tại bản tự khai ngày 25/8/2016, bà Võ Thế Trang Đ - Chủ DNTN BP thừa nhận phải có nghĩa vụ thi hành án, trả cho Công ty số tiền 17.215.353.491 đồng. Tài sản của bà là một phần trong diện tích 1.400 m² đất tại phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Tài sản này thừa kế từ chồng bà là ông Cao Xuân D (chết ngày 25/6/2009) để lại. Tài sản này thuộc quyền thừa kế chung với bà Nguyễn Thị N và hai bé Cao Hiền V và Cao Phúc Khải H. Nay

yêu cầu Tòa án xác định phân quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản trên cho từng cá nhân được thừa kế theo đúng pháp luật, để bà có cơ sở thi hành án đối với Công ty.

Tại bản tự khai ngày 18/8/2016 người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan bà Nguyễn Thị N cho rằng bà là mẹ ruột của ông Cao Xuân D, là đồng thừa kế với bà Võ Thế Trang Đ, trẻ Cao Hiến V và trẻ Cao Khúc Khải H, đề nghị Tòa án chia theo pháp luật đối với diện tích 1.400 m², theo giấy chứng nhận số T499339 do Ủy ban nhân dân Quận 7 cấp ngày 18/11/2001.

Tại Quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm số 278/2017/QĐDS-ST ngày 12/9/2017, Quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định dân sự sơ thẩm số 40/2017/QĐ-SCBSQĐDS ngày 28/11/2017 của Tòa án nhân dân Quận 7 đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 9 Điều 27; điểm a, khoản 2, Điều 35; điểm n khoản 2 Điều 39; khoản 1 Điều 149; khoản 3 Điều 367, Điều 371 và Điều 372 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2000;

- Căn cứ Nghị định 70/NĐ-CP ngày 03/10/2001 về việc hướng dẫn thi hành luật hôn nhân gia đình năm 2000;

- Căn cứ Nghị Quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn Nhân Gia Đình năm 2000;

- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Quận F1.

2. Tuyên bố bà Võ Thế Trang Đ – Chủ Doanh nghiệp tư nhân BP sở hữu 875 m² quyền sử dụng đất, trong diện tích 1.400 m², tại phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận số T499339 do Ủy ban nhân dân Quận 7 cấp ngày 18/11/2001.

3. Lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng, Cty CP TM DV Quận F1 phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà Công ty đã nộp là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng theo Biên lai số 0009496 ngày 16/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 10 (Mười) ngày kể từ ngày Tòa án công bố quyết định.

Ngày 20/9/2017, bà Võ Thế Trang Đ có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ Quyết định giải quyết việc dân sự số 278/2017/QĐDS-ST ngày 12/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận 7; Yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa Quyết định: Công nhận quyền sử dụng các thửa đất số 70-7-2 và 71-2-2 tờ bản đồ số 5 xã Phú Mỹ, nay là khu phố 3, phường Phú Thuận, Quận 7, diện tích 1.400m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T499339

do UBND Quận 7 cấp cho ông Cao Xuân D ngày 18/01/2001 là tài sản riêng của ông Cao Xuân D và chia thừa kế cho những người thừa kế của ông D theo quy định pháp luật. Lý do: Quyết định giải quyết việc dân sự của Tòa án nhân dân Quận 7 không đúng sự thật khách quan làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà và những người liên quan khác.

Tại phiên họp phúc thẩm, người yêu cầu không rút đơn yêu cầu, người kháng cáo không rút kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết việc dân sự, phân tích nhận định về nội dung kháng cáo, đã nhận xét và đề nghị như sau:

- Về tố tụng: Giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo qui định của pháp luật.

- Về nội dung: Quyền sử dụng đất 1.400 m² hình thành trong thời kỳ hôn nhân của bà Đ và ông D, không có chứng cứ nào để chứng minh đây là tài sản riêng của ông D, do đó theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì đây là tài sản chung vợ chồng. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Đ, đề nghị giữ nguyên Quyết định sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Đơn kháng cáo của bà Võ Thế Trang Đ đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo. Về người tham gia tố tụng, cấp sơ thẩm đã đưa tham gia đủ, việc tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết sơ thẩm được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời xác định đúng về thẩm quyền giải quyết. Về quan hệ pháp luật có yêu cầu giải quyết, cấp sơ thẩm xác định là “Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án” theo khoản 9 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét thấy: Bà Võ Thế Trang Đ là người phải thi hành án cho người được thi hành án là Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Quận F1 theo các Quyết định Thi hành án số 221/QĐ-THA ngày 18/3/2011 và số 569/QĐ-CCTHA ngày 05/11/2013 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7. Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự Quận 7 cũng đã có Thông báo số 1300/TB-THADS ngày 10/5/2016 về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án là diện tích 1.400 m² đất này gửi cho bà Đ, bà N. Tại các “Biên bản về giải quyết việc thi hành án” ngày 21/4/2016 và ngày 05/5/2016, bà Võ Thế Trang Đ và bà Nguyễn Thị N đều xác định không tự mình khởi kiện mà thống nhất để Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Quận F1 yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản trong diện tích 1.400 m² đất để giải quyết việc thi hành án của bà Đ. Căn cứ Điều 74 Luật thi hành án dân sự, Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Quận F1 là người được thi hành án, đã có đơn yêu cầu Tòa án xác định phần sở hữu của người phải thi hành án là bà Võ Thế Trang Đ trong khối tài sản chung (1.400 m² đất) để thi hành án, đây là yêu cầu giải quyết việc dân sự được quy

định tại khoản 9 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, như Quyết định sơ thẩm xác định là chính xác.

[2] Quyền sử dụng đất diện tích 1.400 m² theo Giấy chứng nhận số T499339 do Ủy ban nhân dân Quận 7 cấp cho ông Cao Xuân D ngày 18/01/2001. Ông Cao Xuân D và bà Võ Thế Trang Đ là vợ chồng. Quyền sử dụng đất này có được sau khi ông D và bà Đ kết hôn, không phải là tài sản riêng của một người trước khi kết hôn, cũng không phải là tài sản do ông D được thừa kế riêng. Do đó, theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì đây là tài sản chung vợ chồng.

[3] Bà Võ Thế Trang Đ kháng cáo cho rằng quyền sử dụng đất diện tích 1.400 m² nêu trên là tài sản riêng của chồng bà là ông Cao Xuân D, nhưng bà Đ không đưa ra được chứng cứ theo quy định của pháp luật để chứng minh. Quyết định sơ thẩm đã xác định quyền sử dụng đất này là tài sản chung vợ chồng ông Cao Xuân D và bà Võ Thế Trang Đ là có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của bà Võ Thế Trang Đ là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Đối với Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N (đại diện hợp pháp theo ủy quyền là ông Cao Xuân H) đã được giải quyết tại Quyết định không chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 80/2017/QĐ-PT ngày 11/12/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, do đó Hội đồng không xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 375 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2000; Nghị định 70/NĐ-CP ngày 03/10/2001 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thế Trang Đ; Giữ nguyên Quyết định giải quyết việc dân sự sơ thẩm số 278/2017/QDDSS-ST ngày 12/9/2017, Quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định dân sự sơ thẩm số 40/2017/QĐ-SCBSQĐDS ngày 28/11/2017 của Tòa án nhân dân Quận 7;

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Quận F1.

2. Tuyên bố bà Võ Thế Trang Đ - Chủ Doanh nghiệp tư nhân BP sở hữu 875 m² (tương đương 62,5%) quyền sử dụng đất, trong diện tích 1.400 m², tại phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận số T499339 do Ủy ban nhân dân Quận 7 cấp ngày 18/11/2001.

3. Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng, Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Quận F1 phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 200.000 đồng (Biên lai thu số AD/2014/0009496 ngày 16/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7).

Lệ phí phúc thẩm: Bà Võ Thế Trang Đ phải chịu 300.000 đồng, trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng (Biên lai thu số AA/2017/0024348 ngày 28/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7).

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 7;
- THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ (T.15).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Phạm Hồng Giảng